

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG GIÁM SÁT TÀU CÁ KHAI THÁC XA BỜ TỈNH KHÁNH HÒA, BÌNH ĐỊNH VÀ QUẢNG NAM

STATUS ON OFF-SHORE VESSEL MANAGEMENT AND MONITORING SYSTEM IN KHANH HOA, BINH DINH AND QUANG NAM PROVINCES

Tô Văn Phương¹, Vũ Kế Nghiệp¹

¹Trường Đại học Nha Trang

Tác giả liên hệ: Tô Văn Phương (Email: phuongtv@ntu.edu.vn)

Ngày nhận bài: 18/05/2020; Ngày phản biện thông qua: 01/07/2020; Ngày duyệt đăng: 31/08/2020

TÓM TẮT

Công tác quản lý, giám sát tàu cá đóng vai trò quan trọng trong vấn đề chống khai thác IUU, gỡ thẻ Vàng của EC. Nghiên cứu này tập trung đánh giá về hiện trạng quản lý và triển khai hệ thống giám sát tàu cá (VMS) tại các địa phương nghiên cứu bằng phương pháp nghiên cứu thông tin sơ cấp và thứ cấp. Kết quả nghiên cứu cho thấy: i) tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên của Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam lần lượt là 814, 3.118, 748 chiếc; ii) có 16 % ngư dân hiểu rõ quy định và tính cấp thiết của hệ thống VMS; iii) có 3 tính năng của VMS được ngư dân đánh giá ở “mức yêu cầu cao”; iv) 5,3% ngư dân không yêu cầu phải giữ bí mật ngư trường khai thác; và v) công tác quản lý tàu cá còn thủ công, cần có hệ thống VMS hiện đại và quy trình quản lý, giám sát tàu cá khai thác trên biển.

Từ khóa: Hệ thống giám sát tàu cá, Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Nam

ABSTRACT

The management and monitoring of fishing vessels play an important role in combating IUU fishing, removing the EC's Yellow Card. This study focused on assessing the management and monitoring status of fishing vessels in the selected areas by primary and secondary information. The study results showed that: i) the fishing vessels with max length above 15 m in Khanh Hoa, Binh Dinh and Quang Nam province were 814; 3,118 and 748 vessels respectively; ii) 16% of fishers understood clearly the needs & regulations of VMS; iii) there were three features of VMS were rated and requested at “high requirement”; iv) 5.3% of fishermen did not require to keep fishing ground secret; and v) the fishing vessel management was still manual, it was necessary to have modern VMS and the process of managing and monitoring fishing vessels at sea.

Key words: Vessel Monitoring System, Khanh Hoa, Binh Dinh, Quang Nam

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện đại hóa công tác quản lý tàu thuyền khai thác trên biển, đặc biệt sớm hoàn thiện hệ thống thông tin tàu cá nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các tai nạn, rủi ro trên biển, cứu hộ cứu nạn là quan điểm trong quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn 2030, trong đó, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất thiết bị thông tin, các công cụ, thiết bị phục vụ khai thác [1]. Đặc biệt trong bối cảnh EC đưa ra cảnh báo thẻ Vàng cho Việt Nam mong muốn nghề cá nước ta phải giải quyết tình trạng khai thác bất hợp pháp, không

báo cáo, không theo quy định (IUU), đặc biệt là tàu thuyền khai thác xa bờ cần được trang bị giám sát hành trình. Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam là 3 địa phương nghề cá trọng điểm của Việt Nam đang tổ chức triển khai giải quyết các vấn đề về thẻ Vàng, IUU và xây dựng hệ thống giám sát tàu cá (VMS) theo quy định của Luật Thủy sản mới [2].

Vì vậy, cần thiết có nghiên cứu đánh giá đánh giá hiện trạng về cường lực khai thác xa bờ, trang thiết bị hàng hải và các yêu cầu tính năng của hệ thống giám sát tàu cá (VMS), tình hình triển khai công tác quản lý giám sát tàu khai thác xa bờ tại Khánh Hòa, Bình Định và

Quảng Nam để làm căn cứ nhân rộng đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và giám sát tàu cá khai thác trên biển.

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Tài liệu nghiên cứu:

- Tài liệu nghiên cứu, các văn bản quy định của Chính phủ, Bộ, địa phương nghiên cứu về hệ thống giám sát tàu cá, các ứng dụng công nghệ trong quản lý nghề cá.

- Phiếu điều tra khảo sát về các tính năng, yêu cầu của ngư dân, cán bộ quản lý về hệ thống VMS giúp nâng cao hiệu quả quản lý.

2. Phạm vi nghiên cứu

- Thời gian nghiên cứu: 2019 – 2020

- Không gian nghiên cứu: vùng biển Việt Nam

- Đối tượng nghiên cứu: tàu thuyền khai thác xa bờ tỉnh Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu:

3.1. Thu thập thông tin thứ cấp

- Từ tài liệu trong và ngoài nước, biên dịch

tài liệu nước ngoài về ứng dụng công nghệ trong quản lý nghề cá.

- Ứng dụng công nghệ trong hoạt động khai thác thủy sản, hỗ trợ tàu thuyền hải hành trên biển.

3.2. Thu thập thông tin sơ cấp, phỏng vấn chuyên gia

- Phỏng vấn 75 ngư dân/chủ tàu được phân bố đều ở 3 địa phương nghiên cứu nhằm khảo sát về tình hình trang bị hàng hải, giám sát tàu cá; hiểu biết về VMS, các yêu cầu cần có của một VMS...

- Phỏng vấn các cán bộ quản lý nghề cá tại Chi cục Thủy sản; Sở Nông nghiệp và PTNT Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Nam về thực trạng quản lý, giám sát tàu cá.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

1. Hiện trạng cường lực và trang bị hàng hải khai thác

1.1. Cường lực khai thác

Cường lực khai thác ở 3 địa phương nghiên cứu được thể hiện chi tiết tại Bảng 1:

Bảng 1: Thống kê cường lực khai thác theo chiều dài tàu (Năm 2019)

TT	Nhóm tàu theo chiều dài lớn nhất (Lmax)	Tổng cường lực (tàu)		
		Khánh Hòa	Bình Định	Quảng Nam
1	< 6m	548	117	294
2	6 ÷ < 12m	7.319	1.609	1.594
3	12 ÷ < 15m	1.110	1.388	697
4	Từ 15m trở lên	814	3.118	748
	Tổng	9.791	6.232	3.333

Nguồn: [3,4,5]

Khánh Hòa là địa phương có nghề khai thác thủy sản phát triển mạnh ở khu vực miền Trung. Toàn tỉnh hiện có 9.791 tàu thuyền (11/2019), trong đó tàu có Lmax từ 15m trở lên là 814 tàu; sản lượng thủy sản khai thác hàng năm đạt hơn 97.000 tấn, lao động trực tiếp khai thác thủy sản khoảng 33.000 người. Bảng 1 cho thấy: nhóm tàu có Lmax từ 6 – 12m hoạt động vùng ven bờ chiếm tỷ lệ cao nhất (74,8%), nhóm tàu có Lmax từ 12 – 15 m hoạt động vùng lộng chiếm 11,3%, nhóm tàu có Lmax từ 15m trở lên hoạt động vùng khơi chiếm 8,3%.

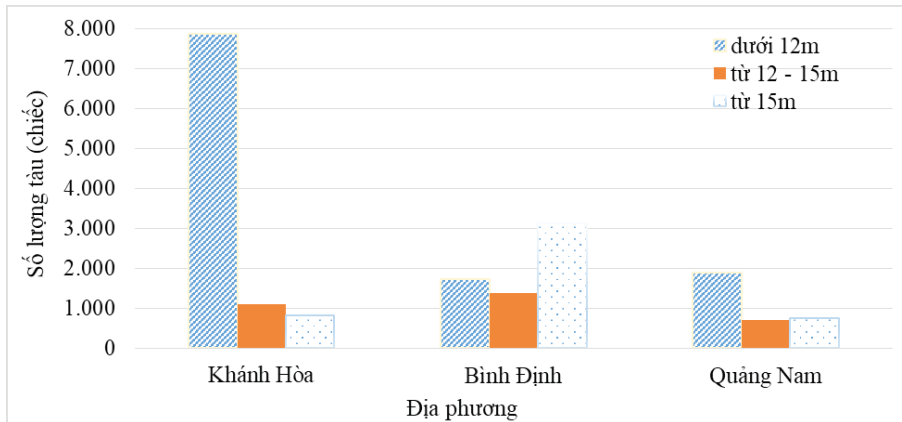
Bình Định có 6.232 tàu thuyền khai thác thủy sản (05/2019), tàu có Lmax từ 6 - 12m có chiếm 25,8%, từ 12 - 15 m chiếm 22,3%, nhóm tàu có Lmax từ 15m trở lên chiếm 50%. Ngư dân Bình Định thường đi đánh bắt ở khắp tất cả các ngư trường trong toàn quốc bao gồm: Bà Rịa Vũng Tàu; Khánh Hòa - Ninh Thuận - Bình Thuận; Tiền Giang - Kiên Giang; Đà Nẵng - Quảng Bình, chiếm tỉ lệ khoảng 40%.

Quảng Nam có tổng số 3.333 tàu thuyền khai thác thủy sản (05/2019), trong đó: nhóm tàu có Lmax từ 6 - 12m chiếm 47,8%; nhóm

tàu Lmax từ 12 – 15m chiếm 20,9%; nhóm tàu Lmax từ 15m trở lên chiếm 22,4%. Nghị quyết của tỉnh Quảng Nam yêu cầu đến năm 2020, giảm dần số lượng tàu thuyền khai thác, đến

năm 2020 còn 3.700 chiếc; trong đó đội tàu khai thác xa bờ đạt 750 chiếc, như vậy tình đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra [6].

Hình 1 cho thấy, Khánh Hòa có số lượng tàu



Hình 1: Biểu đồ phân bố cường lực khai thác giữa các địa phương.

khai thác nhiều nhất trong 3 địa phương nghiên cứu với 9.791 chiếc nhiều hơn cả tổng số tàu của 2 tỉnh Bình Định và Quảng Nam cộng lại (9.565 tàu cho cả 2 tỉnh), gấp hơn 1,5 lần so với tổng tàu thuyền tỉnh Bình Định (6.232 tàu), gấp 3 lần tàu thuyền Quảng Nam (3.333 tàu).

1.2. Thực trạng trang thiết bị hàng hải phục vụ khai thác thủy sản

Khảo sát thực tế cho thấy, tình hình trang bị thiết bị hàng hải được thể hiện ở bảng 2 dưới đây:

Bảng 2 cho thấy: chủ tàu trang bị đầy đủ

Bảng 2: Thống kê hiện trạng trang bị thiết bị hàng hải trên tàu cá

TT	Trang thiết bị	Tàu thuyền thực tế trang bị (n = 75)	
		Số lượng	Tỷ lệ %
1	Đàm thoại tầm gần	75	100
2	Đàm thoại tầm xa	69	92,0
3	Định vị GPS	75	100
4	Định dạng AIS	64	85,3
5	Máy đàm thoại VX 1700	59	78,7
6	Thiết bị Movimar (đã từng sử dụng)	27	36,0

thiết bị đàm thoại tầm gần và định vị GPS, phục vụ tốt cho việc hải trình, khai thác trên biển. Đàm thoại tầm xa có khoảng 92%, Định dạng AIS có 85,3% tàu thuyền trang bị. Trong khi đó, chỉ có 36% tàu thuyền lắp đặt thiết bị Movimar, đây là nhóm tàu được hỗ trợ từ chính sách nhà nước.

Khảo sát về thiết bị giám sát tàu cá (VMS) cho thấy: 100% ngư dân biết về yêu cầu, quy định này; trong đó: 58,7% ngư dân hiểu tương đối, có 21,3% ngư dân hiểu, khoảng 16% ngư

dân hiểu rõ quy định và chỉ có khoảng 4% ngư dân hiểu rất rõ và nhận thức đầy đủ tính cấp thiết của việc trang bị hệ thống VMS khi tàu thuyền ra khơi khai thác.

2. Xác định yêu cầu về ứng dụng VMS cho ngư dân

Kết quả khảo sát về các yêu cầu tính năng mong muốn một thiết bị giám sát tàu cá nói chung và ứng dụng phần mềm phục vụ theo dõi tàu thuyền đối với ngư dân được thể hiện ở bảng 3 dưới đây:

Bảng 3: Kết quả khảo sát các yêu cầu của ngư dân về một thiết bị VMS

TT	Mô tả tính năng	Yêu cầu (tỷ lệ %)		
		Không	Yêu cầu	Yêu cầu cao
1	Liên lạc thoại, nhắn tin với bất kỳ số điện thoại nào trên toàn bộ vùng biển của Việt Nam	0	0	100
2	Bảo mật thông tin (về ngư trường khai thác)	5,3	0	94,7
3	Tự động cập nhật tọa độ tàu thuyền qua tin nhắn (2h/lần)	0	5,3	94,7
4	Có nút nhấn khẩn cấp (phục vụ cho công tác cứu hộ cứu nạn, an ninh quốc phòng)	0	0	100
5	Cảnh báo cho các tàu khi đi vào vùng nguy hiểm; vi phạm vùng biển	0	0	100
6	Hỗ trợ quản lý cho chủ tàu qua web/ứng dụng điện thoại thông minh	1,3	20,0	78,7

Bảng 3 cho thấy: Các mong muốn của ngư dân tập trung ở mức “yêu cầu cao”, cụ thể 100% ngư dân có yêu cầu cao về 03 tính năng của VMS, cụ thể: i) Liên lạc thoại, nhắn tin với bất kỳ số điện thoại nào trên toàn bộ vùng biển của Việt Nam; ii) Có nút nhấn khẩn cấp (phục vụ cho công tác cứu hộ cứu nạn) và iii) Cảnh báo cho các tàu khi đi vào vùng nguy hiểm; vi phạm vùng biển. Trong khi đó, vấn đề bảo mật thông tin ngư trường – vốn là văn hóa và yêu cầu từ lâu của ngư dân luôn muốn giữ kín – thì nay đã được “cởi mở” hơn khi có 5,3% số ngư dân không yêu cầu phải giữ bí mật trên thiết bị VMS. Tuy vậy, có thực tế rằng, ngư dân nhận thấy hành trình khai thác được thể hiện và lưu vết trên phần mềm thì dù có mong muốn giữ bí mật cũng khó thực hiện được.

3. Đánh giá hiện trạng công tác quản lý, giám sát tàu cá

3.1. Yêu cầu chung về quản lý, giám sát tàu cá

Theo quy định của Bộ NN&PTNT [8], tàu cá được đánh dấu bằng màu sơn để giám sát đánh bắt đúng theo vùng (ven bờ, lộng, khơi); tàu thuyền có Lmax từ 6 - 12m, toàn bộ cabin phải sơn màu xanh; tàu có Lmax từ 12 - 15m, toàn bộ cabin phải sơn màu vàng; tàu có Lmax từ 15m trở lên, toàn bộ cabin phải sơn màu ghi trắng sáng trước ngày 01/01/2020. Kết quả khảo sát việc hoàn thành công việc ở Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam lần lượt đạt khoảng 30%, 45% và 45% so với quy định.

Từ năm 2017 đến nay, các địa phương triển khai 03 hoạt động quản lý chính nhằm cải thiện

ngành cá. Cụ thể, i) lập danh sách tàu thuyền theo phân vùng khai thác để tăng cường theo dõi, quản lý chặt chẽ số lượng tàu cá hoạt động trên các vùng biển khơi; ii) nâng cao nhận thức cho ngư dân thông qua các buổi tập huấn, phổ biến quán triệt quy định; iii) sử dụng hệ thống VMS để kiểm soát hoạt động tàu cá và đảm bảo truy xuất nguồn gốc... Các giải pháp để giúp cho việc khắc phục “thẻ vàng” đạt được nhiều kết quả tích cực ở các địa phương đặc biệt là thực hiện theo đúng quy định của Luật Thủy sản và các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC) về chấm dứt khai thác IUU. Ngoài ra, tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài từ tháng 10/2018 đến nay đã không được ghi nhận ở 3 địa phương nghiên cứu.

Ngoài ra, yêu cầu của giám sát tàu cá thông qua thiết bị VMS lắp đặt trên tàu cá được quy định, với 05 tiêu chí quan trọng sau:

a) Phải được kết nối, đồng bộ với Trung tâm Dữ liệu Giám sát Tàu cá tại Tổng cục Thủy sản và 28 tỉnh, thành phố ven biển;

b) Tự động truyền qua hệ thống định vị vệ tinh với tần suất 02 giờ/lần các thông tin: vị trí tàu (kinh độ, vĩ độ), thời gian (phút/giờ/ngày/tháng/năm) đối với thiết bị lắp đặt trên tàu cá có Lmax từ 24 mét trở lên; tối thiểu 08 vị trí/ngày với tần suất 03 giờ/lần các thông tin: vị trí tàu (kinh độ, vĩ độ), thời gian (phút/giờ/ngày/tháng/năm) đối với tàu có Lmax từ 15 mét đến dưới 24 mét; cảnh báo cho thuyền trưởng khi tàu vượt qua ranh giới cho phép trên biển;

c) Sai số tọa độ vị trí tàu cá nhận từ GPS

hiển thị trên thiết bị VMS không quá 500 mét, độ tin cậy 99%;

d) Mỗi thiết bị phải có một mã nhận dạng độc lập;

đ) Phải đảm bảo hoạt động bình thường trong môi trường hoạt động trên biển theo tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam [7].

3.2. Đối với hệ thống giám sát tàu cá

3.2.1. Yêu cầu chung

- Công tác quản lý, giám sát tàu cá, bao gồm cơ sở hạ tầng và trang thiết bị sử dụng trong công tác quản lý tại các Chi cục Thủy sản địa

phương nghiên cứu (Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Nam) được triển khai theo quy định ngành dọc.

- Luật Thủy sản quy định tàu cá được cơ quan quản lý cấp giấy phép khai thác thủy sản phải đáp ứng các điều kiện, trong đó phải có thiết bị VMS đối với tàu có Lmax từ 15m trở lên và thực hiện đánh dấu tàu cá.

- Đáng chú ý, Nghị định 26 quy định tàu thuyền khai thác thủy sản được quản lý theo chiều dài tàu thay vì theo công suất máy tàu như trước đây [7], được lược hóa tàu Bảng 4 dưới đây.

Bảng 4: Quy định vùng biển khai thác đối với từng nhóm tàu

TT	Tàu cá có Lmax	Vùng biển quy định	
		Được phép hoạt động	Không được phép hoạt động
1	< 12m	Vùng ven bờ	Vùng lộng, vùng khơi
2	12 ÷ < 15m	Vùng lộng	Vùng ven bờ, vùng khơi
3	Từ 15m trở lên	Vùng khơi	Vùng ven bờ, vùng lộng

Đồng thời, quy định tính năng phần mềm VMS tại trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá [7], với 05 yêu cầu chính cụ thể:

a) Phần mềm tại trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá phải tương thích với các hệ điều hành Microsoft Windows, Android, IOS; có giao diện tiếng Việt trực quan. Quản lý toàn bộ thông tin tàu cá lắp thiết bị giám sát hành trình; cung cấp thông tin cho cơ quan quản để kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu cá; quản lý được nhật ký khai thác, chống khai thác IUU;

b) Giao diện phần mềm hiển thị vị trí tàu, thời gian, vận tốc, hướng di chuyển, tín hiệu báo động, thời gian cập nhật dữ liệu gần nhất, thông tin thời tiết, trạng thái hoạt động của thiết bị VMS, gửi thông tin đến thiết bị VMS;

c) Có chức năng truy cập, tìm kiếm, lập bảng biểu, báo cáo, thống kê các dữ liệu theo quy định, tạo khu vực để quản lý tàu và gửi cảnh báo tự động khi tàu ra/vào khu vực;

d) Kết nối, truyền dẫn thông tin với trung tâm dữ liệu đơn vị cung cấp thiết bị giám sát tàu cá; phân cấp quyền sử dụng dữ liệu VMS;

đ) Bản đồ điện tử được sử dụng phải thể hiện rõ được vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, các đảo, quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam, các vùng cấm đánh bắt, các cảng cá do

cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp.

3.2.2. Thực trạng triển khai lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá

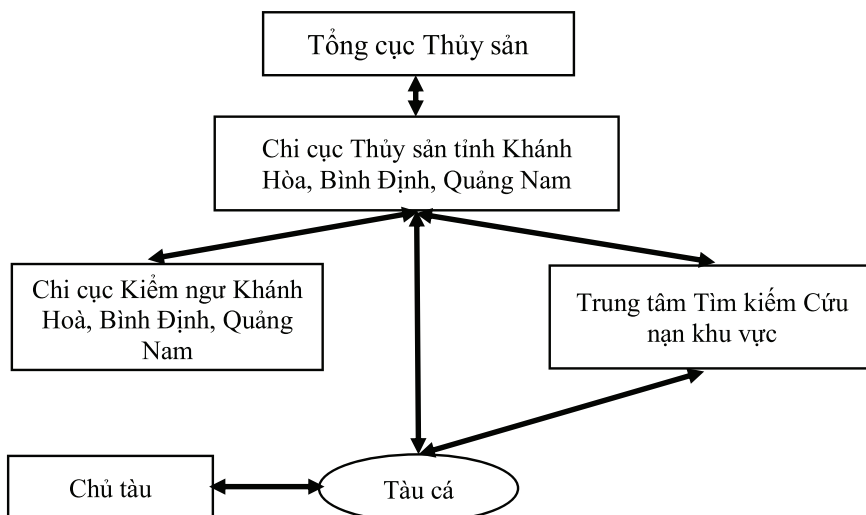
Tàu cá có Lmax từ 24m ở cả 3 địa phương Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam đã hoàn thành công tác trang bị trước ngày 01/7/2019 theo quy định.

Tuy nhiên, đối với tàu có Lmax từ 15 – 24m, cả nước lắp đặt VMS được khoảng 16,8% tàu, trong đó Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam có tỷ lệ lắp đặt lần lượt là 20%, 18% và 17,5%, tính đến hết 12/2019.

3.3.3. Thực trạng công tác quản lý tàu cá tại cơ quan chuyên môn

Công tác quản lý tàu cá được thực hiện theo mô hình quản lý ngành dọc, từ cấp trung ương xuống địa phương. Vì vậy, khi triển khai 1 hệ thống quản lý mới, cơ sở hạ tầng và trang thiết bị sử dụng ở địa phương nói chung, tại Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam nói riêng được triển khai đồng bộ. Hiện tại, có 02 hệ thống Movimar và VX-1700 được triển khai trong quản lý tàu cá ở các Chi cục Thủy sản.

Mô tả về liên kết thông tin của hệ thống giám sát tàu cá sử dụng công nghệ tích hợp định vị vệ tinh GPS và sóng HF (VX-1700) như hình 2:



Hình 2. Liên kết thông tin hệ thống VX-1700.

Hình 2 cho thấy: kênh liên lạc của hệ thống giám sát tàu cá sử dụng công nghệ tích hợp định vị vệ tinh GPS và sóng HF (VX-1700) như sau: Hằng ngày ngư dân thực hiện nhấn tin về trạm bờ, dữ liệu từ tàu cá sẽ được truyền về trạm bờ tại Chi cục Thủy sản, các dữ liệu được xử lý và lưu trữ, cung cấp thông tin cho Chi cục Kiểm ngư và Trung tâm Tìm kiếm Cứu nạn. Ngoài ra, VX-1700 là thiết bị liên lạc tầm xa, nên có chức năng liên lạc thoại về đất liền như trạm bờ, Đài thông tin Duyên hải khi muốn trao đổi thông tin hay trong các trường hợp khẩn cấp. Đây là ưu điểm của thiết bị VX-1700 trong công tác quản lý, đảm bảo an toàn trên biển cho ngư dân so với phương pháp quản lý thủ công như lâu này của cơ quan quản lý. Tuy nhiên, hệ thống này chưa đáp ứng được các yêu cầu cơ bản và cần thiết của quy định tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP, chẳng hạn như: thiết bị tự động gửi vị trí tọa độ tàu 2-3h/lần, lưu vết trên hệ thống, có phần mềm ứng dụng theo dõi vị trí tàu.

Từ năm 2017 trở về trước, các cơ quan quản lý thủy sản chủ yếu quản lý tàu cá thông qua file MS. Excel dữ liệu thông tin: tên chủ tàu, số đăng ký tàu, thông số kỹ thuật của tàu, nghề khai thác... Các thông tin này ở dạng tĩnh, quản lý ở dạng thủ công. Khảo sát thực tế thấy rằng có nhiều hạn chế, bất cập trong công tác quản lý, chưa có hệ thống quản lý giám sát hiện đại phục vụ giám sát tàu trực tiếp trên biển theo

thời gian thực, cụ thể:

- Chưa ứng dụng công nghệ thông tin và internet vào công tác quản lý.
- Chưa có các thông tin về tọa độ tàu được cập nhật tự động qua GPS, các thông tin về tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn trên biển;
- Hạn chế về thông tin chấp hành lệnh điều động tàu thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn của cơ quan có thẩm quyền;
- Hạn chế về thông tin tình hình khai thác trên biển, thông tin sản lượng, đối tượng khai thác và dự báo ngư trường;
- Hạn chế về thông tin vi phạm pháp luật trong hoạt động nghề cá, an ninh trên biển;

Hiện nay, các Chi cục Thủy sản còn đang gặp khó khăn trong quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu khi có nhiều thiết bị được ngư dân trang bị. Vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý tàu thuyền còn mới mẻ, mức độ am hiểu về công nghệ thông tin, an toàn, bảo mật thông tin đối với cán bộ quản lý nghề cá còn hạn chế. Đồng thời, phân cấp và phân quyền trong hoạt động theo dõi, chỉnh sửa và truy xuất dữ liệu trên hệ thống chưa chặt chẽ; sẽ nảy sinh vấn đề về xác định quyền và trách nhiệm, đặc biệt trong vấn đề xác định để xử lý trách nhiệm của đơn vị, cá nhân khi xảy ra sự cố trong an toàn thông tin và công tác quản lý tàu thuyền khi vi phạm quy định.

Khi triển khai đồng loạt hệ thống giám sát tàu cá là hệ thống được tích hợp bởi thiết bị

giám sát hành trình lắp đặt trên tàu thuyền khai thác, kết nối với trung tâm dữ liệu giám sát tàu cá để quản lý, giám sát hành trình và hoạt động của tàu trên các vùng biển theo thời gian thực thông qua hệ thống thông tin vệ tinh GPS. Lúc này, rất cần có các giải pháp về kỹ thuật và quản lý để nâng cao hiệu quả quản lý VMS.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Khánh Hòa có số lượng tàu nhiều nhất trong 3 địa phương nghiên cứu, 9.791 chiếc nhiều hơn cả tổng số tàu của 2 tỉnh Bình Định và Quảng Nam cộng lại (9.565 tàu cho cả 2 tỉnh).

- Công tác khắc phục thẻ Vàng đang được thực hiện quyết liệt ở các địa phương.

- chủ tàu trang bị đầy đủ thiết bị đàm thoại tầm gần và định vị GPS, phục vụ tốt cho việc hải trình, khai thác trên biển.

- 100% ngư dân biết về yêu cầu, quy định lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và có mong muốn ở mức yêu cầu cao.

- 100% tàu có Lmax từ 24m trở lên được trang bị VMS; đối với tàu có Lmax từ 15 – 24m, cả nước lắp đặt VMS được khoảng 16,8%

tàu, trong đó Khánh Hòa, Bình Định và Quảng Nam có tỷ lệ lắp đặt lần lượt là 20%, 18%, 17,5%, tính đến hết 12/2019.

- Quản lý tàu cá hiện nay là thủ công thông qua file excel dữ liệu thông tin: tên chủ tàu, số đăng ký tàu, thông số kỹ thuật của tàu, nghề khai thác... Các thông tin này ở dạng tĩnh, quản lý ở dạng thủ công. Chưa có hệ thống quản lý giám sát hiện đại phục vụ giám sát tàu trực tiếp trên biển theo thời gian thực.

- Chưa có quy trình quản lý, khai thác và sử dụng thông tin khi có hệ thống quản lý giám sát tàu cá hiện đại.

2. Kiến nghị

- Các địa phương cần quyết liệt, tập trung tháo gỡ khó khăn để hoàn thành việc lắp đặt thiết bị giám sát tàu cá theo quy định.

- Tổng cục Thủy sản cần có Danh mục các thiết bị VMS được cấp phép với bảng so sánh tính năng, giá thành... để ngư dân có thêm thông tin lựa chọn thiết bị VMS phù hợp.

- Tổng cục Thủy sản và các Chi cục Thủy sản địa phương cần xây dựng quy trình quản lý, khai thác và sử dụng thông tin khi có hệ thống quản lý giám sát tàu cá hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn phòng Chính phủ. 2013. Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Quyết định số 1445/QĐ-TTg, ngày 16/8/2013. Hà Nội
2. Văn phòng Quốc hội. 2017. Luật thủy sản. Luật số 18/2017/QH14, ngày 21/11/2017. Hà Nội
3. Chi cục Thủy sản Khánh Hòa. 2019. Báo cáo tổng kết công tác quản lý thủy sản của tỉnh Khánh Hòa. Báo cáo tổng kết. Nha Trang
4. Chi cục Thủy sản Bình Định. 2019. Báo cáo tổng kết công tác quản lý thủy sản của tỉnh Khánh Hòa. Báo cáo tổng kết. Nha Trang
5. Chi cục Thủy sản Quảng Nam. 2019. Báo cáo tổng kết công tác quản lý thủy sản của tỉnh Khánh Hòa. Báo cáo tổng kết. Nha Trang
6. Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam. 2016. Nghị quyết số 19/2016/NQ – HĐND về tăng cường công tác quản lý hoạt động khai thác thủy sản tỉnh Quảng Nam. Tam Kỳ.
7. Văn phòng Chính phủ. 2019. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019. Hà Nội.
8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2018. Thông tư quy định về đăng kiểm viên tàu cá, công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá đảm bảo an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công cụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá. Thông tư 23/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2018. Hà Nội